

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST

Ngày 23/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lý Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

VŨ T; sinh ngày 21/10/1999 tại huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình

Cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn T3 và bà Phạm Thị Y; Vợ: chưa có; có 01 con chung với chị Vũ L;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyền Quang. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Chị Nguyễn Thu T2, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ dân phố 04, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.

Vắng mặt có lý do.

- Chị Ma Thu H, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ dân phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.

Vắng mặt có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vũ T là người lao động tự do, không được đào tạo hay cấp chứng chỉ về công nghệ thông tin, điện tử viễn thông nhưng bị cáo T tự học cách chạy quảng cáo bán hàng trực tuyến qua mạng xã hội Facebook và nhận dạy cách chạy quảng cáo trên mạng xã hội Facebook để kiếm tiền (*Đối với những người bán hàng trên mạng xã hội Facebook, việc chạy quảng cáo nhằm mục đích để sản phẩm tiếp cận được với khách hàng nhiều hơn, tăng doanh số bán hàng, lợi nhuận*).

Trong quá trình dạy cách chạy quảng cáo trên mạng xã hội Facebook, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thu T2, trú tại tổ dân phố 04, phường Y, thành phố T và chị Ma Thu H, trú tại tổ dân phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (là người thuê bị cáo dạy cách chạy quảng cáo trên mạng xã hội Facebook), cụ thể:

Tháng 5/2021, chị Trần Thị Thu Q, trú tại tổ dân phố 13, phường A, thành phố T là khách hàng do bị cáo dạy chạy quảng cáo giới thiệu chị Nguyễn Thu T2 và chị Ma Thu H là những người có nhu cầu học cách chạy quảng cáo trên mạng xã hội Facebook cho T, T liên lạc, thỏa thuận với chị T2, H dạy chạy quảng cáo bán hàng trực tuyến qua mạng xã hội Facebook với mức học phí 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) mỗi người. Sau khi thống nhất, T, chị T2 và chị H lập nhóm trao đổi qua mạng xã hội Facebook để thuận tiện cho việc dạy học (*T sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook “NL”, chị T2 sử dụng tài khoản Facebook “TĐ”, chị H sử dụng tài khoản Facebook “Ma Thu H”*). Đồng thời, chị H cũng lập một nhóm trao đổi qua mạng xã hội Zalo gồm có T, chị H và chị T2 (*tài khoản Zalo của chị T2 đăng ký bằng số điện thoại 0345.565.754; tài khoản Zalo của chị H đăng ký bằng số điện thoại 0333.821.063; tài khoản Zalo của T đăng ký bằng số điện thoại 0824.999.954*). Sau đó, chị T2 chuyển 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) từ tài khoản số 8100205207426 của chị T2 (*mở tại Ngân hàng Agribank*) đến tài khoản ngân hàng số 190359733015 của T (*mở tại Ngân hàng Techcombank*), chị H chuyển 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) từ tài khoản số 105808888991 của chị H (*mở tại Ngân hàng Vietinbank*) vào tài khoản số 190359733015 của T, T hướng dẫn cho chị T2 và chị H được khoảng 04 buổi thì yêu cầu chị T2 và chị H lập thẻ thanh toán quốc tế (*thẻ VISA*) để phục vụ việc học, chị T2 và chị H đồng ý.

Trong thời gian chờ làm thẻ, chị T2 hỏi T về các Fanpage Facebook có tính năng chạy quảng cáo việc Livestreams (*quảng cáo việc phát trực tiếp*). Lúc này, do T đang vay nợ nhiều, không có khả năng trả nợ và không có tiền chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T2. T nói sẽ giúp chị T2 nâng cấp Fanpage để có thể chạy quảng cáo hiệu quả hơn với chi phí 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*), thời gian nâng cấp từ 15 đến 20 ngày. Để tạo sự tin tưởng cho chị T2, H, T sử dụng tài khoản Facebook “N L” tự nhắn tin với một tài khoản Facebook khác cũng do T quản lý về việc nhận nâng cấp Fanpage rồi chụp ảnh, gửi cho chị T2. Thấy vậy, chị T2 tin tưởng, sử dụng tài khoản số 8100205207426 chuyển tiền vào tài khoản số 190359733015 của T với tổng số tiền 35.000.000 đồng (*Ba*

mười lăm triệu đồng), chia làm 03 lần chuyển (lần 1 vào ngày 24/5/2021 với số tiền 10.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 25/5/2021 với số tiền 10.000.000 đồng; lần 3 vào ngày 27/5/2021 với số tiền 15.000.000 đồng).

Đến tháng 6/2021, T nhắn tin với chị H mời chào nâng cấp Fanpage Facebook của chị H. Để tạo sự tin tưởng, T nói với chị H là chị T2 đã chuyển tiền nâng cấp Fanpage. Khi chị H không đồng ý với giá tiền 35.000.000 đồng thì T nói là có thể thanh toán sau khi nâng cấp Fanpage thành công nhưng phải đặt cọc trước một khoản tiền. Chị H đồng ý và sử dụng tài khoản số 105808888991 chuyển tiền vào tài khoản số 190359733015 của T tổng số tiền 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng), chia làm 02 lần chuyển (lần 1 vào ngày 05/6/2021 với số tiền 4.800.000 đồng, lần 2 vào ngày 17/6/2021 với số tiền 4.800.000 đồng).

Sau khi nhận tiền của chị T2 và chị H, T không thực hiện việc nâng cấp Fanpage mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết hết số tiền này.

Do biết chị T2 có nhu cầu mua Fanpage để bán quần áo online nên T sử dụng mạng xã hội Facebook để tìm, tham khảo giá của các Fanpage Facebook, mục đích là để lừa đảo bán cho chị T2 kiếm lời. Qua tìm hiểu trên Facebook, T biết chị Bùi Thị T5, trú tại số nhà 8, ngõ 31, đường P, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An (sử dụng tài khoản Facebook tên “T B”) đang rao bán Fanpage Facebook “Giá tốt” với giá 18.000.000 đồng, bảo hành trong 01 tháng và một môi bán Fanpage Facebook khác (không xác định được tài khoản) đang rao bán Fanpage Facebook tên nước ngoài với giá khoảng 10.000.000 đồng có tính năng tương tự như Fanpage Facebook “Giá tốt” nhưng không có bảo hành. Ngày 25/6/2021, T nhắn tin với chị T2, chào bán trang Facebook “Giá tốt” với giá 17.000.000 đồng; T nói với chị T2: Fanpage Facebook “Giá tốt” đã bật sẵn tính năng bán hàng, sẵn sàng chạy quảng cáo bán hàng ngay và có thể chạy quảng cáo thử trên Fanpage Facebook này. Chị T2 đồng ý, T sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook “P A” (tài khoản mạng xã hội Facebook này cũng do T quản lý, sử dụng) liên hệ với chị T5 hỏi mua Fanpage Facebook “Giá tốt”. Sau đó, T yêu cầu chị T5 thêm tài khoản Facebook của chị T2 vào Ban quản trị của Fanpage “Giá tốt” để chị T2 chạy thử quảng cáo. Cùng ngày, T tìm kiếm, liên hệ với anh Trần N, trú tại phòng 07, tầng 22, toà S5.03, khu đô thị V, đường N, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (là người cung cấp dịch vụ quảng cáo trên mạng xã hội Facebook) thoả thuận với anh N về việc thuê chạy quảng cáo và yêu cầu chị T2 chuyển số tiền 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) vào tài khoản số 0271001054408 của anh N mở tại Ngân hàng Vietcombank để anh N chạy quảng cáo cho chị T2. Sau khi chị T2 chuyển tiền, anh N giúp chị T2 chạy quảng cáo với số tiền 1.554.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi tư nghìn đồng) và 10% số tiền chạy quảng cáo là tiền phí dịch vụ, tổng là 1.709.400 đồng (Một triệu bảy trăm linh chín nghìn bốn trăm đồng), còn thừa 1.590.600 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng) anh Nam làm tròn thành 1.591.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng) rồi chuyển lại vào số tài khoản 190359733015 của T. Sau khi chạy thử quảng cáo, chị T2 thấy hiệu quả nên đồng ý với T mua lại Fanpage Facebook “Giá tốt”. T2 hỏi T số tiền 3.300.000 đồng đã ứng để chạy quảng cáo còn lại bao nhiêu thì T nói còn lại 1.600.000 đồng. Ngày 26/6/2021, chị T2

chuyển tiếp cho T số tiền 15.400.000 đồng (*Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*) để mua Fanpage “*Giá tốt*”. Sau khi nhận được tiền, T không chuyển cho chị T5 để mua Fanpage “*Giá tốt*” mà mua trang Facebook tên nước ngoài với ý định sẽ bán lại cho chị T2 Fanpage Facebook này chứ không phải Fanpage “*Giá tốt*” để kiếm lời. Đồng thời, để tránh bị chị T2 phát hiện việc tráo Fanpage, T yêu cầu chị T5 loại tài khoản Facebook của chị T2 ra khỏi Ban quản trị của Fanpage “*Giá tốt*”. Tuy nhiên, khi thực hiện thao tác đổi tên Fanpage Facebook tên nước ngoài thành “T Đ Shop” theo yêu cầu của chị T2 thì bị Mạng xã hội Facebook khoá Fanpage này và tài khoản Facebook “*N L*” do các quy định về chính sách khách hàng. T mất toàn bộ quyền truy cập, sử dụng và điều hành trang này và không có Fanpage Facebook để bàn giao cho chị T2.

Sau khi chuyển tiền cho T, chị T2 và chị H nhiều lần liên lạc với T để đòi lại tiền nhưng T tắt điện thoại, cắt mọi liên lạc để trốn tránh. Sau đó T hứa sẽ trả lại tiền cho chị T2 và chị H nhưng không trả như đã hẹn. Ngày 19/7/2021, chị T2 và chị H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Vũ T.

Tổng số tiền bị cáo Vũ T chiếm đoạt của chị T2 và chị H là 61.591.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của chị T2 là 51.991.000 đồng, chiếm đoạt của chị H là 9.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Vũ T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ T từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 113728555, mang tên Vũ T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank số 4221508660544856, mang tên Vũ T; 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 4200030001331724, mang tên Vũ T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng đã qua sử dụng, không lắp sim;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 PLUS, màu trắng vàng, đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu huỷ 01 sim của nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0824.999.954;

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 17/01/2022.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Vũ T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra và truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Bị cáo Vũ T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết bản thân là người không có khả năng nâng page Facebook và cũng không có page Facebook để bán; bị cáo đã thu mua nhiều tài khoản Facebook trôi nổi, ẩn danh để đăng giới thiệu nhận hướng dẫn và chạy quảng cáo bán hàng trên mạng xã hội Facebook nhằm lừa đảo những người không hiểu biết để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo khai: Do bị cáo đang vay nợ nhiều, không có khả năng trả nợ và không có tiền chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Trang và chị Huệ. Sau khi nhận tiền từ các bị hại, bị cáo đều sử dụng chi tiêu cho cá nhân mà không thực hiện như lời hứa hẹn, bị cáo cũng không trả lại tiền cho các bị hại, bị cáo còn cắt mọi liên lạc nhằm trốn tránh và chiếm đoạt tài sản. Bằng thủ đoạn trên, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 51.991.000 đồng (*Năm mươi một triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng*) của chị Nguyễn Thu T2 và số tiền 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) của chị Ma Thu H. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 02 bị hại là 61.591.000 đồng (*Sáu mươi một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng*). Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định trong quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện và thành khẩn khai báo, bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như: Đơn tố giác

tội phạm, các bản ảnh chụp màn hình điện thoại do các bị hại cung cấp thể hiện nội dung bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại; các tài liệu xác minh giao dịch từ các ngân hàng; lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ... Hội đồng xét xử thấy hành vi trên của bị cáo Vũ T đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của VKSND thành phố Tuyên Quang đã truy tố.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho các bị hại; tại phiên tòa các bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[3.3] Hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến mẹ đẻ là bà Phạm Thị Y bồi thường thiệt hại cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho chị T2 số tiền 25.991.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng*), bồi thường cho chị H số tiền 5.600.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa, chị T2 và chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền mà bị cáo nhờ bà Y đã bồi thường cho chị T2 và chị H, bà Y không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Và số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) là tiền học phí chị T2 và chị H chuyển cho bị cáo để thuê bị cáo hướng dẫn chạy quảng cáo Facebook, bị cáo đã thực hiện việc dạy chị T2, chị H cách chạy quảng cáo; đối với 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*) là tiền chị T2 chuyển cho anh Trần N thuê anh N chạy quảng cáo hết 1.709.400 đồng (*Một triệu bảy trăm linh chín nghìn bốn trăm đồng*), còn thừa là 1.591.000 đồng (*Một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng*) anh N chuyển lại cho bị cáo. Quá trình điều tra xác định đây là giao dịch dân sự. Chị T2 và chị H không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 113728555, mang tên Vũ T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank số 4221508660544856, mang tên Vũ T; 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 4200030001331724, mang tên Vũ T, đây là các giấy tờ cá nhân cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 PLUS, màu trắng vàng, đã qua sử dụng, có lắp 01 sim của nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0824.999.954; bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại; sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng đã qua sử dụng, không lắp sim không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 17/01/2022.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6.3] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 113728555, mang tên Vũ T; 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank số 4221508660544856, mang tên Vũ T; 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 4200030001331724, mang tên Vũ T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng đã qua sử dụng, không lắp sim;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 PLUS, màu trắng vàng, đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu huỷ 01 sim của nhà mạng Vinaphone số thuê bao: 0824.999.954;

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 17/01/2022.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQuang;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang